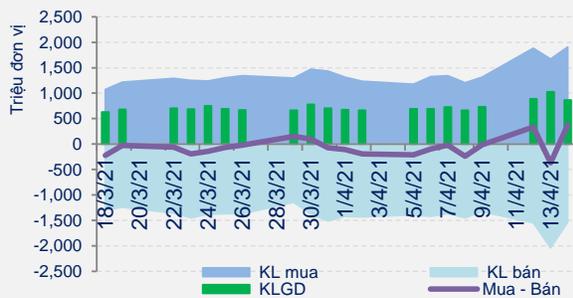
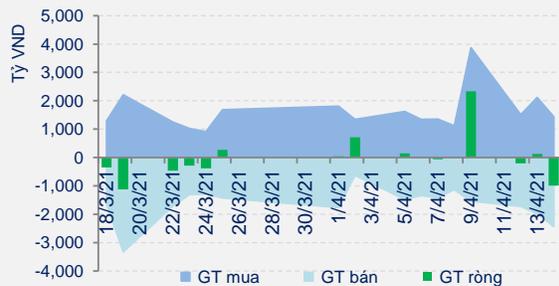


MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 14/4/2021

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,255.87	294.83
% Thay đổi	↑ 0.60%	↑ 0.90%
KLGD (CP)	861,954,502	167,054,974
GTGD (tỷ đồng)	19,345.14	2,767.47
Tổng cung (CP)	1,532,213,100	219,762,700
Tổng cầu (CP)	1,906,589,800	220,455,700

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	50,357,274	4,748,676
KL mua (CP)	40,059,000	3,565,642
GT mua (tỷ đồng)	1,438.62	111.92
GT bán (tỷ đồng)	2,429.94	127.26
GT ròng (tỷ đồng)	(991.32)	(15.34)

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE


Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.45%	17.6	3.0	1.3%
Công nghiệp	↑ 0.21%	18.6	2.5	11.3%
Dầu khí	↑ 0.97%	-	2.0	2.3%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.45%	-	5.2	2.4%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.75%	15.6	2.4	1.1%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.97%	18.3	4.1	11.5%
Ngân hàng	↑ 0.93%	12.5	2.4	22.3%
Nguyên vật liệu	↑ 2.70%	17.6	2.3	17.3%
Tài chính	↓ -0.16%	21.6	3.5	28.6%
Tiền ịch Cộng đồng	↑ 0.26%	15.1	2.4	2.0%
VN - Index	↑ 0.60%	19.4	3.0	
HNX - Index	↑ 0.90%	18.8	3.9	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường tăng điểm trở lại trong phiên hôm nay với thanh khoản tiếp tục ở mức cao. Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tăng 7,54 điểm (+0,6%) lên 1.255,87 điểm; HNX-Index tăng 2,64 điểm (+0,9%) lên 294,83 điểm. Thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn suy giảm so với phiên trước đó nhưng vẫn cao hơn mức trung bình 20 phiên với giá trị giao dịch đạt 20.291 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch 969 triệu cổ phiếu. Độ rộng thị trường là tích cực với 458 mã tăng, 115 mã tham chiếu, 236 mã giảm. Thị trường giảm điểm vào đầu phiên giao dịch trước áp lực chốt lời của nhà đầu tư. Nhưng về chiều, lực cầu gia tăng giúp chỉ số lấy lại sắc xanh và VN-Index đóng cửa ở mức cao nhất trong phiên. HPG (+5,8%) và MSN (+6,9%) là những cổ phiếu có đóng góp tích cực nhất đến đà tăng của VN-Index, riêng 2 mã này đã đóng góp hơn 4,6 điểm vào sắc xanh của chỉ số. Đứng ở những vị trí tiếp theo là VCB (+1,2%), NVL (+3,6%), CTG (+1,7%), EIB (+7%)... Dòng Vingroup như VIC (-0,5%) và VHM (-2%), VNM (-0,7%), GVR (-0,7%) là những cổ phiếu có ảnh hưởng tiêu cực nhất đến thị trường. Đối với HNX-Index, THD (+0,9%) và SHB (+1,2%) là những trụ của chỉ số. Bên cạnh HPG (+5,8%), hàng loạt cổ phiếu ngành thép khác cũng bứt phá. POM (+7%) và TLH (+6,9%) đều được kéo lên mức giá trần. VGS (+6,5%), HSG (+2,2%) đều tăng mạnh.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Thị trường thể hiện được sức mạnh khá tốt trong phiên hôm nay khi kết phiên ở mức cao nhất sau khi đã giảm khoảng 15 điểm ngay đầu phiên sáng. Thanh khoản khớp lệnh trong phiên hôm nay tuy có sự suy giảm so với phiên trước đó do lực cầu mua lên vẫn có sự dè dặt nhất định nhưng vẫn cao hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy dòng tiền vẫn vào thị trường. Trên góc độ kỹ thuật, cả mục tiêu và thời gian hoàn thành của sóng tăng 5 đã đạt được do vậy cần quan sát thêm diễn biến trong tuần này để xác nhận liệu thị trường có thể nới rộng sóng tăng 5 lên 127,1% sóng tăng 1 tức là quanh ngưỡng 1.315+ điểm hay sẽ chuyển sang sóng điều chỉnh a với target gần nhất 1.135+ điểm (fibonacci retracement 50% sóng tăng 5). Trong phiên giao dịch tiếp theo 15/4 cùng là ngày đáo hạn của hợp đồng tương lai VN30 tháng 4/2021, VN-Index có thể sẽ có sự biến động mạnh, nhất là trong phiên ATC. Nhà đầu tư trung hạn mua vào trước Tết trong các phiên 28/1-2/2 ở quanh đáy sóng điều chỉnh 4 và nhà đầu tư ngắn hạn mua vào trong các phiên 24/3-26/3 khi thị trường test hỗ trợ MA50 ngày đã chốt lời dần trong các phiên 12/4-14/4 nắm giữ danh mục còn lại và trailing stop với đường trung bình 20 ngày hiện quanh 1.210+ điểm.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 14/4/2021

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index giảm điểm trong phiên giao dịch sáng và đầu phiên chiều, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.233,01 điểm. Từ chiều, lực cầu gia tăng giúp chỉ số lấy lại sắc xanh và đà tăng mạnh dần sau đó giúp chỉ số kết phiên ở mức cao nhất. Kết phiên, VN-Index tăng 7,54 điểm (+0,6%) lên 1.255,87 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: HPG tăng 2.900 đồng, MSN tăng 6.500 đồng, VCB tăng 1.200 đồng. Ở chiều ngược lại, VHM giảm 2.000 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index giảm trong phiên giao dịch sáng, với mức thấp nhất trong phiên tại 290,662 điểm. Từ phiên chiều trở đi, lực cầu gia tăng giúp chỉ số vượt lên trên ngưỡng tham chiếu, với mức cao nhất trong phiên tại 294,845 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 2,64 điểm (+0,9%) lên 294,83 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: THD tăng 1.800 đồng, SHB tăng 300 đồng, PVS tăng 500 đồng. Ở chiều ngược lại, BAB giảm 200 đồng.

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 1.005,49 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 8,1 triệu cổ phiếu. VHM là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 610,2 tỷ đồng tương ứng với 6,1 triệu cổ phiếu, tiếp theo là VNM với 165,1 tỷ đồng tương ứng với 1,7 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, FUESSVFL là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 223,7 tỷ đồng tương ứng với 13 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 15,26 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 1,2 triệu cổ phiếu. VNM là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 5,1 tỷ đồng tương ứng với 138 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là APS với 4,2 tỷ đồng tương ứng với 349,5 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VCS là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 2,9 tỷ đồng tương ứng với 30,7 nghìn cổ phiếu.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

IMF hạ dự báo tăng trưởng kinh tế của Đông Nam Á vì Covid-19

Quỹ tiền tệ Quốc tế (IMF) dự báo 5 nền kinh tế lớn nhất Đông Nam Á là Indonesia, Malaysia, Philippines, Thái Lan và Việt Nam sẽ có mức tăng trưởng chung là 4,9% trong năm 2021, giảm so với 5,2% của dự báo trước đó.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index tăng điểm trở lại trong phiên hôm nay với khối lượng khớp lệnh suy giảm so với phiên trước đó nhưng vẫn cao hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy lực cầu mua lên đã xuất hiện nhưng vẫn còn sự dè dặt nhất định.

Góc nhìn về phân tích kỹ thuật là kịch bản sóng Elliott với sóng tăng 3 đã kết thúc khi tăng từ ngưỡng 925 điểm lên ngưỡng 1.200+ điểm (fibonacci extension 161,8% của sóng tăng 1) và sóng điều chỉnh 4 cũng đã kết thúc với target theo kịch bản tiêu chuẩn là quanh ngưỡng 1.040+ điểm (fibonacci retracement 38,2% của sóng tăng 3) và kịch bản tiêu cực hơn là quanh ngưỡng 990+ điểm (fibonacci retracement của 50% sóng tăng 3). Thực tế thì thị trường đã giảm dưới ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.000+ điểm một chút rồi hồi phục trở lại trong phiên 29/1.

Vì sóng điều chỉnh 4 giảm mạnh hơn so với kịch bản tiêu chuẩn nên sóng tăng 5 sau đó với độ dài theo lý thuyết bằng sóng tăng 1 tức là khoảng 250 điểm với target quanh ngưỡng 1.250+ điểm đã đạt được trong nửa đầu tháng 4/2021.

Theo đó, sóng 5 có dấu hiệu của sự kết thúc khi chạm đến target 1.250+ và thời gian hoàn thành sóng cũng gần hết nên sóng điều chỉnh a có thể tiếp diễn trong thời gian tới với target gần nhất 1.135+ (fibonacci retracement 50% sóng tăng 5).

Do thị trường có thể đang bước vào giai đoạn chuyển giao giữa sóng tăng 5 và sóng điều chỉnh a nên xu hướng hiện tại có thể coi là trung tính và cần quan sát thêm diễn biến trong các phiên tới để xác nhận. Trong phiên giao dịch tiếp theo 15/4, VN-Index có thể sẽ có sự biến động mạnh, nhất là vào thời điểm phiên ATC.

Ngưỡng hỗ trợ gần nhất quanh 1.210 điểm (MA20) và xa hơn quanh 1.175 điểm (MA50). Hiện tại không phải là thời điểm thích hợp để mua mà chỉ thích hợp với hoạt động chốt lời dần hoặc nắm giữ, tùy theo kỳ vọng của các nhà đầu tư.



TIN TRONG NƯỚC

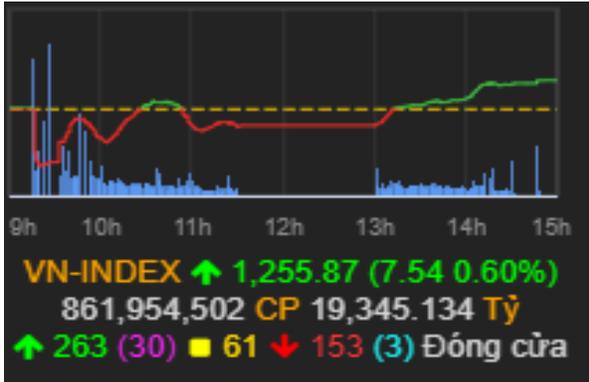
Giá vàng trong nước giảm	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 54,9 - 55,3 triệu đồng/lượng, giảm 100.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và giảm 300.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm tăng 3 đồng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sáng nay niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 23.217 VND/USD, tăng 3 đồng so với phiên trước.

TIN QUỐC TẾ

Giá vàng thế giới giảm	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới giảm 1,5 USD/ounce tương ứng với 0,09% xuống 1.746,25 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) giảm 0,107 điểm tương ứng 0,11% xuống 92,737 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,1963 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3794 USD. USD giảm so với JPY xuống: 1 USD đổi 109 JPY.
Giá dầu thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 0,81 USD/thùng tương ứng với 1,35% lên 60,99 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ tăng giảm trái chiều	Kết thúc phiên giao dịch ngày 13/4, chỉ số Dow Jones giảm 68,13 điểm tương ứng 0,2% xuống 33.677,27 điểm; chỉ số Nasdaq tăng 146,1 điểm tương ứng 1,05% lên 13.996,1 điểm; chỉ số S&P 500 tăng 13,6 điểm tương ứng 0,33% lên 4.141,59 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

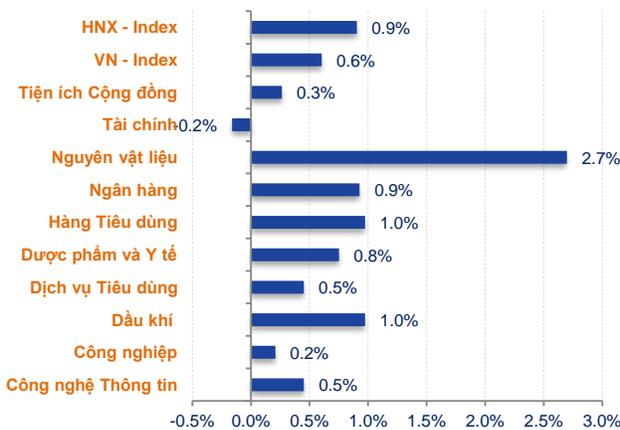
KLGD và VN-Index trong phiên



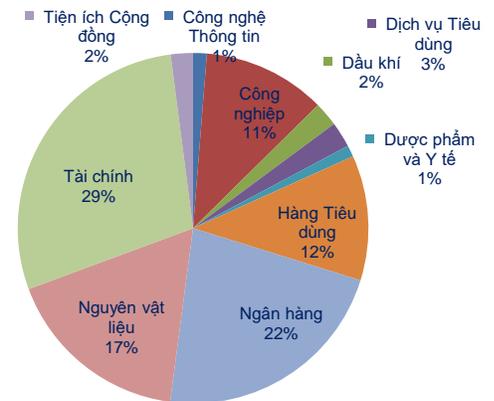
KLGD và HNX-Index trong phiên



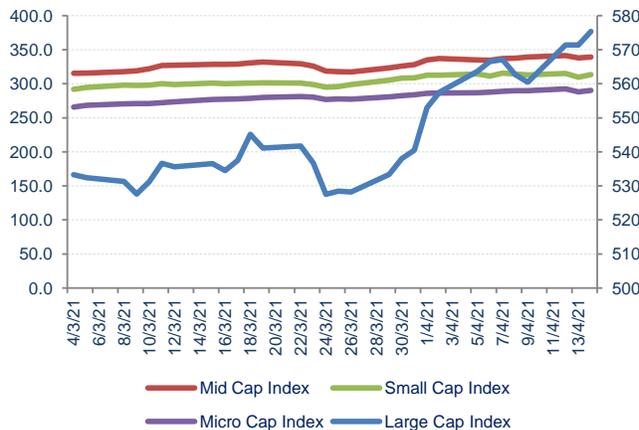
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



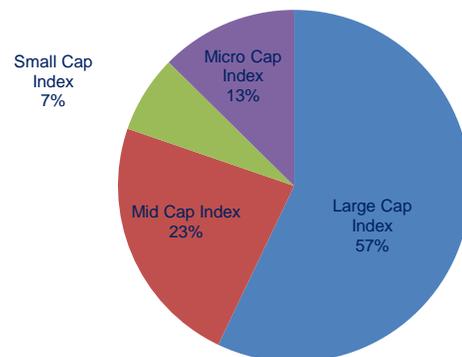
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	FUESSVFL	13,004,200	VHM	6,139,700
2	NVL	730,200	CRE	4,160,200
3	HPG	472,100	ROS	1,753,400
4	MBB	383,700	VNM	1,663,700
5	FLC	357,600	VRE	1,413,600

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SHB	33,100	APS	349,500
2	VCS	30,700	PVC	223,800
3	SD4	19,500	VND	137,700
4	IDV	15,000	CKV	118,800
5	VGS	8,500	ACM	111,500

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ROS	6.30	6.74	↑ 6.98%	69,075,700
FLC	11.60	12.40	↑ 6.90%	41,687,400
STB	22.70	22.90	↑ 0.88%	35,197,800
ITA	8.30	8.88	↑ 6.99%	32,611,300
HQC	4.16	4.45	↑ 6.97%	30,257,300

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
KLF	5.30	5.80	↑ 9.43%	18,540,760
SHB	25.40	25.70	↑ 1.18%	17,679,811
ART	10.40	11.40	↑ 9.62%	11,528,138
PVS	23.10	23.60	↑ 2.16%	8,509,933
VND	36.20	37.10	↑ 2.49%	7,796,438

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SHI	17.15	18.35	1.20	↑ 7.00%
EIB	23.60	25.25	1.65	↑ 6.99%
MHC	9.30	9.95	0.65	↑ 6.99%
ITA	8.30	8.88	0.58	↑ 6.99%
ROS	6.30	6.74	0.44	↑ 6.98%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PMP	11.00	12.10	1.10	↑ 10.00%
DIH	20.00	22.00	2.00	↑ 10.00%
ACM	4.00	4.40	0.40	↑ 10.00%
HTP	17.00	18.70	1.70	↑ 10.00%
VE4	29.20	32.10	2.90	↑ 9.93%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
YEG	27.30	25.40	-1.90	↓ -6.96%
PMG	31.10	28.95	-2.15	↓ -6.91%
TNC	36.00	33.55	-2.45	↓ -6.81%
CMV	15.50	14.45	-1.05	↓ -6.77%
NBB	29.40	27.50	-1.90	↓ -6.46%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VNT	80.00	72.10	-7.90	↓ -9.88%
SDG	46.00	42.00	-4.00	↓ -8.70%
VC6	9.40	8.60	-0.80	↓ -8.51%
HBE	8.40	7.70	-0.70	↓ -8.33%
ALT	14.80	13.60	-1.20	↓ -8.11%

(*) Giá điều chỉnh



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ROS	69,075,700	0.0%	2	4,467.1	0.6
FLC	41,687,400	3250.0%	225	55.0	0.7
STB	35,197,800	9.6%	1,487	15.4	1.4
ITA	32,611,300	1.6%	188	47.3	0.8
HQC	30,257,300	0.2%	20	221.0	0.5

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
KLF	18,540,760	0.2%	16	367.4	0.6
SHB	17,679,811	12.3%	1,552	16.6	1.9
ART	11,528,138	0.1%	16	704.2	1.0
PVS	8,509,933	4.8%	1,306	18.1	0.9
VND	7,796,438	19.6%	3,315	11.2	2.1

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SHI	↑ 7.0%	3.4%	484	37.9	1.3
EIB	↑ 7.0%	6.6%	870	29.0	1.8
MHC	↑ 7.0%	-0.2%	(28)	-	0.8
ITA	↑ 7.0%	1.6%	188	47.3	0.8
ROS	↑ 7.0%	0.0%	2	4,467.1	0.6

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PMP	↑ 10.0%	9.7%	1,470	8.2	0.8
DIH	↑ 10.0%	0.9%	145	152.1	1.4
ACM	↑ 10.0%	0.0%	2	1,872.1	0.6
HTP	↑ 10.0%	0.8%	6	3,000.8	1.9
VE4	↑ 9.9%	1.8%	261	123.0	2.2

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
UESSVF	13,004,200	N/A	N/A	N/A	N/A
NVL	730,200	13.9%	4,002	25.0	2.9
HPG	472,100	25.1%	4,060	13.1	3.0
MBB	383,700	18.4%	2,983	10.5	1.7
FLC	357,600	1.3%	225	55.0	0.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	33,100	12.3%	1,552	16.6	1.9
VCS	30,700	39.1%	9,055	10.5	3.9
SD4	19,500	0.1%	17	456.8	0.4
IDV	15,000	42.6%	9,429	7.8	2.9
VGS	8,500	14.2%	2,443	9.4	1.3

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	473,540	4.3%	1,586	88.3	3.5
VCB	366,066	21.1%	4,975	19.8	3.9
VHM	330,596	35.6%	8,315	12.1	3.7
VNM	207,533	35.0%	5,313	18.7	6.2
BID	176,969	8.9%	1,740	25.3	2.2

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	68,600	61.8%	7,408	26.5	12.9
SHB	44,988	12.3%	1,552	16.6	1.9
BAB	20,263	7.3%	830	34.5	2.4
VCS	15,152	39.1%	9,055	10.5	3.9
IDC	11,370	7.1%	1,015	37.3	2.6

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
EVG	3.07	2.6%	271	49.5	1.2
BSI	2.30	8.9%	1,047	14.9	1.3
HAH	2.25	10.7%	2,695	9.1	0.9
TDC	2.22	15.4%	1,948	10.7	1.6
CTS	2.22	9.3%	1,205	14.4	1.3

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
LUT	2.70	0.0%	5	1,489.8	0.6
VIG	2.51	-2.0%	(113)	-	1.4
THD	2.33	61.8%	7,408	26.5	12.9
BVS	2.21	7.2%	1,839	13.2	0.9
WSS	2.14	2.0%	206	46.0	0.9



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trường phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
